

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2024
của Trường tiểu học An Vĩnh Ngãi

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC AN VĨNH NGÃI

Căn cứ Quyết định số 450UB.QĐ.89 ngày 01/08/1989 của UBND thị xã Tân An về việc thành lập Trường tiểu học An Vĩnh Ngãi;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ tài chính về sửa đổi một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 78/QĐ-PGDĐT ngày 19/01/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Tân An về việc phân bổ dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024 cho các đơn vị trường học trên địa bàn thành phố Tân An./.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 của trường tiểu học An Vĩnh Ngãi (theo các biểu đính kèm);

Điều 2: Giao bộ phận kế toán phối hợp với các bộ phận chuyên môn triển khai thực hiện việc công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 theo quy định;

Điều 3: Tổ chức công đoàn trường, kế toán đơn vị và các cá nhân có liên quan thực hiện quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Phòng GD và ĐT TP.TA (b/c);
- Như điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TIỂU HỌC
AN VĨNH NGÃI
Nguyễn Thị Mến

An Vĩnh Ngãi, ngày 26 tháng 03 năm 2025

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ tài chính và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC

Căn cứ vào báo cáo quyết toán năm 2024

Căn cứ vào biên bản thẩm tra quyết toán ngân sách năm 2024

Thời gian: Vào lúc 8 giờ ngày 26 tháng 03 năm 2024.

Địa điểm: Tại Trường tiểu học An Vĩnh Ngãi

Thành phần:

- | | |
|---------------------------|-----------------------------|
| 1. Bà Nguyễn Thị Mến | - Hiệu trưởng |
| 2. Bà Phạm Thị Lệ Hồng | - Đại diện Công đoàn trường |
| 3. Bà Lê Phạm Phương Thùy | - Thanh tra nhân dân |
| 4. Bà Lê Thị Phương Thảo | - Kế toán |
| 5. Ông Phạm Ngọc Duy | - Thư ký |

Nội dung:

Tiến hành lập biên bản về việc niêm yết công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024, cụ thể như sau:

- Niêm yết biểu mẫu công khai số liệu quyết toán thu chi ngân sách năm 2024 theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính.

- Thời gian niêm yết: Từ ngày 26 tháng 3 năm 2025 tại bảng công khai của cơ quan, góc công khai tại điểm phòng giáo viên trường Tiểu học An Vĩnh Ngãi.

- Thời gian kết thúc niêm yết : lúc 5 giờ, ngày 26 tháng 4 năm 2025

Biên bản kết thúc vào lúc 10 giờ cùng ngày./.

ĐẠI DIỆN CÔNG ĐOÀN


Phạm Thị Lệ Hồng

HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Thị Mến

KẾ TOÁN



Lê Thị Phương Thảo

THANH TRA NHÂN DÂN



Lê Phạm Phương Thùy

THƯ KÝ



Phạm Ngọc Duy

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018
của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường Tiểu học An Vĩnh Ngãi
Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số *H/QĐ-THAVN* ngày *26/03/2025* của Trường tiểu học An Vĩnh Ngãi)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	7.179.540.927	7.179.540.927	0	7.179.540.927
I	Nguồn ngân sách trong nước	7.179.540.927	7.179.540.927	0	7.179.540.927
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	nghệ				
	gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	nghề	7.179.540.927	7.179.540.927	0	7.179.540.927

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.928.374.932	6.928.374.932	0	6.928.374.932
6000	Tiền lương	3.092.485.416	3.092.485.416	0	
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	0	0	0	
6100	Phụ cấp lương	1.895.859.260	1.895.859.260	0	
6250	Phúc lợi tập thể	0	0	0	
6300	Các khoản đóng góp	916.061.202	916.061.202	0	
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	140.000.000	140.000.000	0	
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	55.213.742	55.213.742	0	
6550	Vật tư văn phòng	83.037.280	83.037.280	0	
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	30.589.866	30.589.866	0	
6650	Hội nghị	2.000.000	2.000.000	0	
6700	Công tác phí	35.217.500	35.217.500	0	
6750	Chi phí thuê mướn	220.608.500	220.608.500	0	
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	195.594.880	195.594.880	0	
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	168.876.679	168.876.679	0	
7050	Mua sắm tài sản vô hình	16.040.400	16.040.400	0	
7750	Chi khác	76.790.207	76.790.207	0	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	251.165.995	251.165.995	0	251.165.995
6105	Chi Vượt giờ	12.608.995	12.608.995		
6157	Chi HTCPHT	3.300.000	3.300.000		
6750	Chi đào tạo	19.655.000	19.655.000		
6201	Chi tiền Thưởng	41.590.000	41.590.000		
6201	Chi tiền Thưởng	174.012.000	174.012.000		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				



Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp thông tin				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				



Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Kế toán



Lê Thị Phương Thảo

Ngày 26 tháng 3 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị




Nguyễn Thị Mến